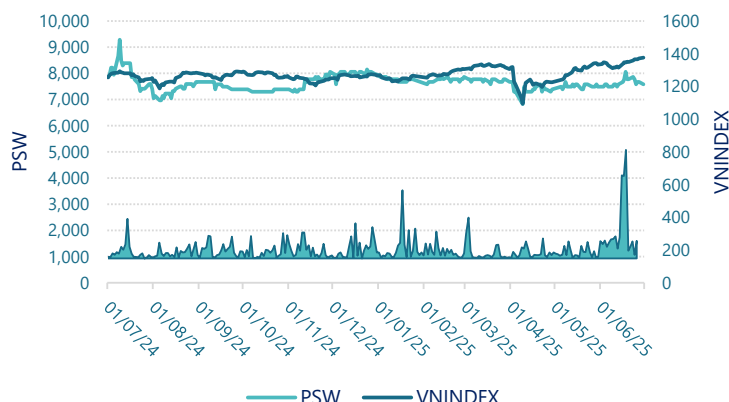


CTCP Phân bón và Hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ (HNX: PSW)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	8,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,285
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,825
SL cổ phiếu LH	17,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	21,765
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	136
P/E	5.6
EPS	1,416

DT thuần

Q2/25

1,004

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 51.0 | 5.4%

YoY: ▲ 333 | 49.6%

LN sau thuế

Q2/25

11.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.01 | 160%

YoY: ▲ 12.2 | 1581%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

1.4%

+/- YoY: ▲ 1.5%

DT thuần

6T 2025

1,957

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 654 | 50.2%

LN sau thuế

6T 2025

15.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.6 | 1248%

ROE

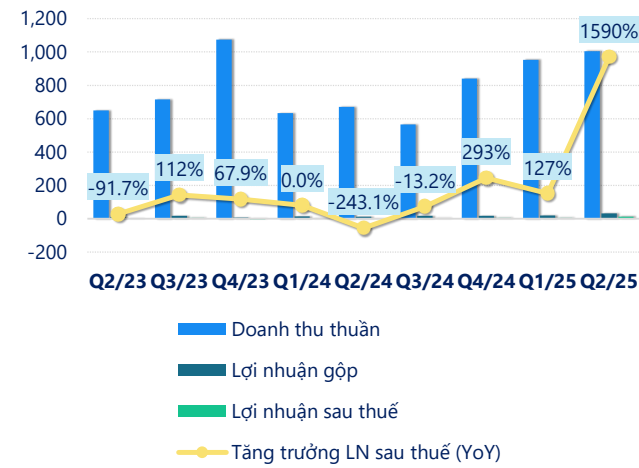
Q2/25

11.6%

+/- YoY: ▲ 10.2%

tỷ VNĐ

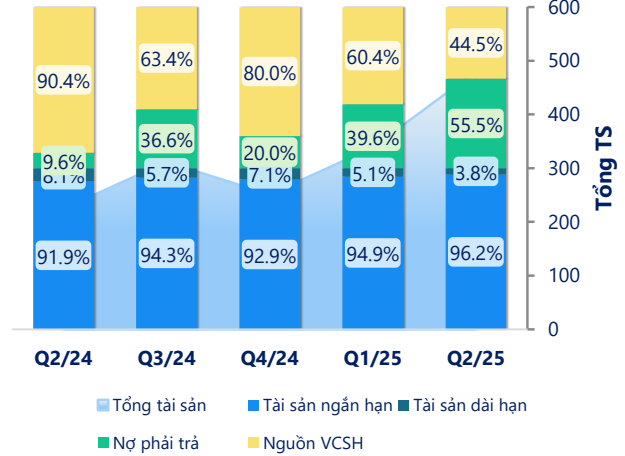
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

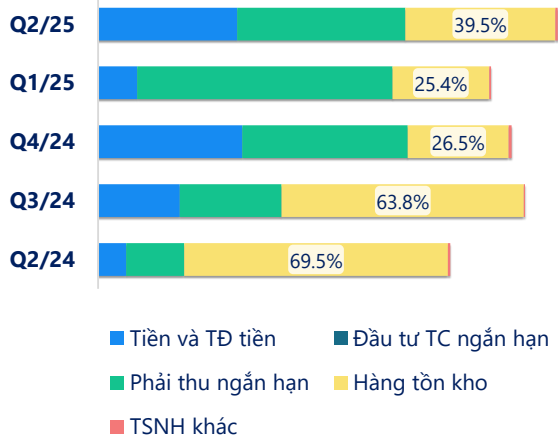
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



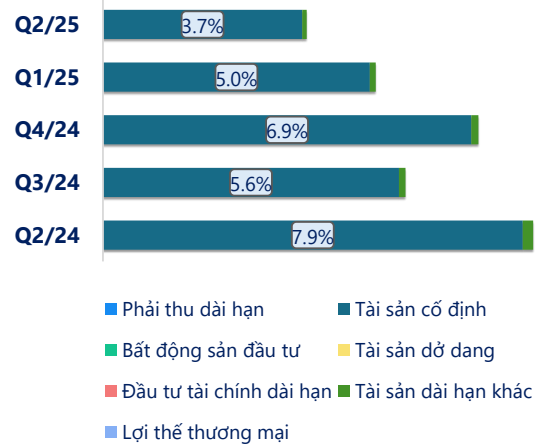
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

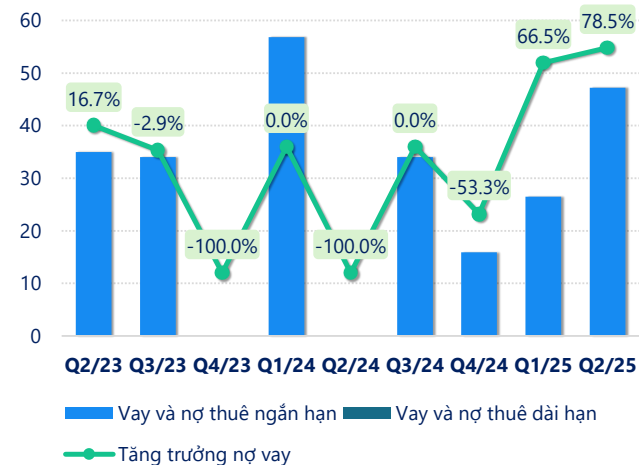
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

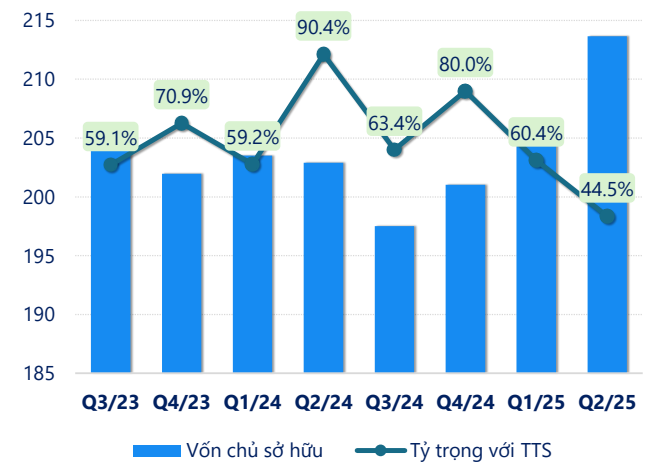
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



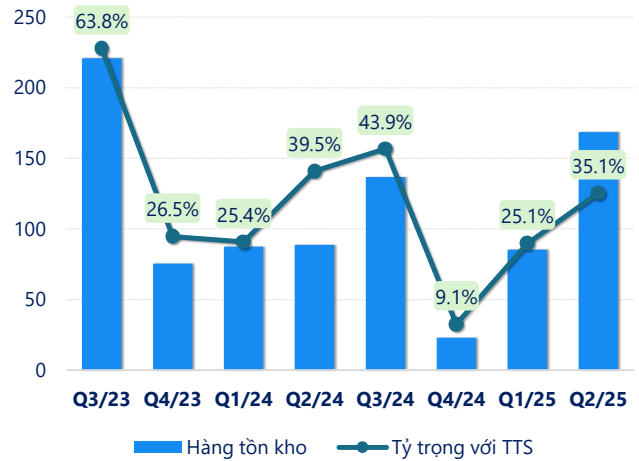
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

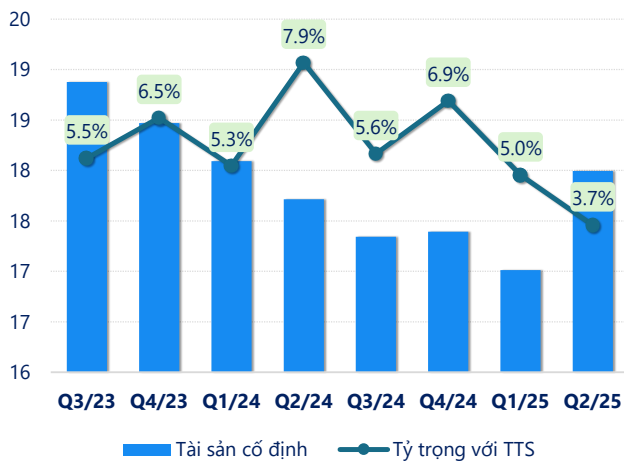

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


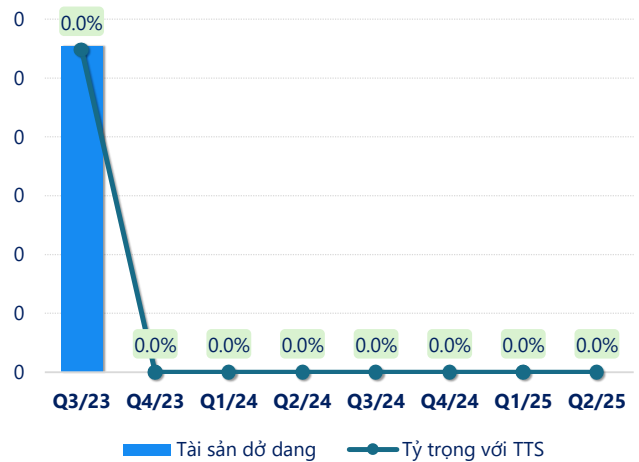
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

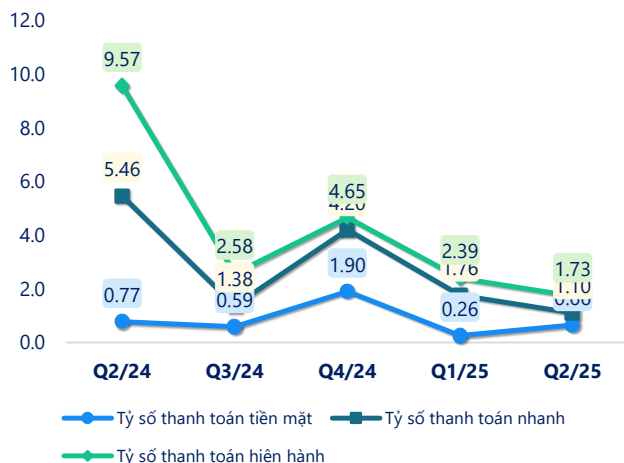
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

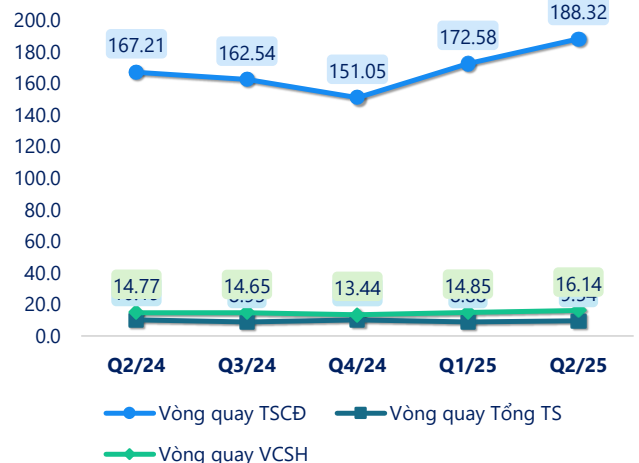
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	224	312	251	339	480
Tài sản ngắn hạn	206	294	233	321	462
Tiền và tương đương tiền	16.7	67.1	95.4	34.9	176
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	99.5	89.6	115	201	117
Hàng tồn kho	88.6	137	22.9	85.2	168
Tài sản ngắn hạn khác	1.55	0.37	0.14	0.15	0.14
Tài sản dài hạn	18.2	17.7	17.7	17.4	18.4
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	17.7	17.3	17.4	17.0	18.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.45	0.38	0.34	0.36	0.41
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	21.6	114	50.2	134	267
Nợ ngắn hạn	21.6	114	50.2	134	267
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	34.0	15.9	26.5	47.2
Phải trả người bán ngắn hạn	2.64	1.54	4.82	24.0	140
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	203	198	201	205	214
Vốn chủ sở hữu	203	198	201	205	214
Vốn điều lệ	170	170	170	170	170
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)